

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2019/DS-PT

Ngày: 11-6-2019

"V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản và hụi"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Giao.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thông.

Ông Đinh Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Chị Nguyễn Ngọc Trang – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 21/3/2019, ngày 23/4/2019, ngày 31/5/2019, ngày 10/6/2019 và ngày 11/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2018/TLPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và hụi”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2018/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 55/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 57/2019/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2019, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 77/TB-TA ngày 12/4/2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 80/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 4 năm 2019, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 105/TB-TA ngày 06/5/2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 147/2019/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 163/2019/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị Hồng L, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số A, ấp A.Đ, xã A.B, huyện C, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Hồng L là ông Vũ T.A, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số B, C.L, Phường C, thành phố C, Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 19/3/2018).

2. Bị đơn: Nguyễn Thị Thúy P, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số D, L.Đ.H, Tổ E, khóm M.T, phường M.P, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Minh H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số D, L.Đ.H, Tổ E, khóm M.T, phường M.P, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Thúy P và anh Nguyễn Minh H là ông Dương Hoàng V, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số G, ấp N.C, xã N.M, huyện C, Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền cùng ngày 25/3/2019).

4. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thúy P và anh Nguyễn Minh H (Là bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án).

5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn chị Lê Thị Hồng L trình bày:** Chị L có cho chị Nguyễn Thị Thúy P vay nhiều lần như sau:

+ Ngày 05/3/2016, chị L có cho chị P vay 100.000.000đ;

+ Ngày 17/3/2016, chị L có cho chị P vay 100.000.000đ;

+ Ngày 07/5/2016, chị L có cho chị P vay 100.000.000đ;

Lãi suất 6%/tháng, hạn 2 - 3 tháng trả.

+ Ngày 16/8/2016, chị L có cho chị P vay 100.000.000đ;

+ Ngày 05/9/2016, chị L có cho chị P vay 100.000.000đ;

+ Ngày 19/10/2016, chị L có cho chị P vay 100.000.000đ;

Lãi suất 9%/tháng, hạn 1 tháng trả.

Tổng cộng 06 khoản vay là 600.000.000đ, mục đích vay để phục vụ kinh doanh vận tải của gia đình. Vì chỗ làm ăn thân thiết nên không làm biên nhận, chị L chỉ ghi vào sổ của mình. Các khoản vay này chị P có đóng lãi cho chị L đến tháng 10/2016, sau đó thì không trả vốn và lãi nữa.

Vì chị P không đóng lãi hàng tháng nữa nên tháng 12/2016 chị L yêu cầu chị P trả toàn bộ vốn gốc, chị P cam kết bằng miệng sẽ trả vào tháng 01/2017 nhưng không thực hiện.

Anh H là chồng của chị P làm nghề lái xe ô tô, việc mượn tiền này dùng để mua xe ô tô tải chở hàng hóa để kinh doanh. Đồng thời, anh H cũng có đem tiền lãi qua đóng cho chị L và có hứa cùng vợ tìm cách trả nợ.

Ngoài 06 khoản vay trên, vào tháng 01/2016, chị L còn cho chị P mượn 30.000.000đ, 12 chỉ vàng 18kara để đi chữa bệnh cho con ở bệnh viện Chấn thương chỉnh hình TP.HCM, không có biên nhận, đến nay cũng chưa trả.

Đồng thời, chị P có tham gia 02 dây hụi với chị Nguyễn Thị Cẩm H1 (sinh năm 1970, ngụ phường M), do chị P không có khả năng tài chính đảm bảo nên chị H1 không đồng ý cho chị P chơi nên chị P nhờ chị L đứng ra chơi hụi dùm:

- Dây hụi 5.000.000đ: Mở ngày 06/02/2016, mãn ngày 06/8/2017, 19 phần, đóng 5.000.000đ/tháng, dây này chị L chơi dùm chị P 1 phần, hót kỳ tháng 3/2016 được 68.450.000đ, chị L đã giao đủ cho chị P. Chị P đóng hụi chết được 07 lần (kỳ tháng 10/2016).

Từ tháng 11/2016 đến nay chị P không đóng thêm lần nào, chị L phải đóng thay chị P cho đến khi mãn hụi là 10 lần với số tiền 50.000.000đ, lãi tạm tính từ ngày 06/8/2017 đến ngày 23/4/2018, lãi 1,67%/tháng, số tiền 7.153.000đ.

- Dây hụi 10.000.000đ: Mở ngày 02/4/2016, mãn ngày 02/9/2017, 18 phần, đóng 10.000.000đ/tháng, dây này chị L chơi dùm chị P 1 phần, hót kỳ tháng 5/2016 được 135.600.000đ, chị L đã giao đủ cho chị P. Chị P đóng hụi chết được 05 lần (đến kỳ tháng 10/2016).

Từ đó đến nay chị P không đóng thêm lần nào, chị L phải đóng thay chị P cho đến khi mãn hụi là 11 lần với số tiền 110.000.000đ, lãi tạm tính từ ngày 02/9/2017 đến ngày 23/4/2018, lãi 1,67%/tháng, số tiền 14.145.000đ.

Theo đó, 02 dây hụi này chị P nợ chị L 160.000.000đ tiền gốc, lãi 21.298.000đ, tổng cộng 181.298.000đ.

Nay chị L yêu cầu chị P trả nợ như sau:

+ Về phần nợ vay chị Lê Thị Hồng L yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy P, anh Nguyễn Minh H phải liên đới trả cho chị L tiền vốn là 630.000.000đ và 12 chỉ vàng 18 kara yêu cầu tính lãi suất 1,125%/tháng kể từ ngày khởi kiện và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi vụ án kết thúc.

+ Về phần tiền chơi hụi dùm yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy P và anh Nguyễn Minh H liên đới trả 181.298.000đ và tiếp tục tính lãi 1,67%/tháng cho đến khi kết thúc vụ kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ T.A yêu cầu như sau:

+ Về phần nợ vay yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy P, anh Nguyễn Minh H phải liên đới trả cho chị L tiền vốn là 600.000.000đ và tính lãi theo mức lãi suất

1,125%/tháng kể từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm là 44.100.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi vụ án kết thúc.

+ Về phần tiền chơi hụi dùm yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy P và anh Nguyễn Minh H liên đới trả 160.000.000đ và yêu cầu tính lãi 1,125%/tháng đối với hai khoản lãi trên kể từ khi kết thúc hai dây hụi đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền là 17.933.000 đồng.

+ Về khoản tiền mượn 30.000.000đ, 12 chỉ vàng 18kara thì chị Lê Hồng L có đơn xin rút lại yêu cầu.

+ Về phần lãi trước đây đã nhận của số tiền vay 600.000.000 đồng tương đương với số tiền lãi theo quy định của pháp luật đến ngày khởi kiện không đồng ý khấu trừ.

- **Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Thúy P là ông Dương Hoàng V trình bày:** Chị P thừa nhận có vay của chị L số tiền 600.000.000 đồng như lời thừa nhận của chị L tại Cơ quan điều tra công an huyện C nhưng số tiền này chị không có sử dụng vào mục đích kinh doanh chung trong gia đình. Đây là tiền làm ăn (ghi sổ) qua lại giữa riêng chị P và chị L nhưng không có gì chứng minh là tiền ghi sổ, còn anh H thì không biết và cũng không cùng chị vay số tiền này. Nay chị P đồng ý một mình chị trả số tiền còn thiếu là 600.000.000 đồng và tiền lãi cho chị L, về phần tiền chơi hụi dùm thì chị không có mượn chị L chơi hụi dùm nên không đồng ý trả. Về phần liên đới chị cũng không yêu cầu anh H cùng liên đới cùng chị trả nợ.

- **Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Minh H là ông Dương Hoàng V trình bày:** Anh không có vay tiền của chị L, cũng không biết gì về chuyện chơi hụi dùm giữa các bên nên anh không đồng ý cùng chị P trả nợ cho chị L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2018/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Hồng L.

- Buộc chị Nguyễn Thị Thúy P và anh Nguyễn Minh H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị Hồng L số tiền vay còn thiếu là 600.000.000 đồng, tiền lãi 44.100.000 đồng, tổng cộng 644.100.000 đồng (sáu trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm nghìn đồng).

- Buộc chị Nguyễn Thị Thúy P có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Hồng L số tiền chơi hụi dùm còn thiếu là 160.000.000đ và tiền lãi là 17.933.000 đồng, tổng cộng 177.933.000 đồng (một trăm bảy mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi ba nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Hồng L về việc yêu cầu anh Nguyễn Minh H liên đới trả nợ đối với số tiền vốn 160.000.000 đồng và lãi 17.933.000 đồng.

Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Các vấn đề khác:

Đình chỉ một phần yêu cầu của chị Lê Thị Hồng L về việc yêu cầu chị P và anh H liên đới trả số tiền 30.000.000 đồng và 12 chỉ vàng 18 kara.

4. Về án phí:

- Chị Lê Thị Hồng L được nhận lại số tiền tạm ứng 15.200.000 đồng theo biên lai số 0003142 ngày 12-4-2018 và số tiền 4.532.500 đồng theo biên lai số 04876 ngày 26-4-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

- Chị Nguyễn Thị Thúy P liên đới cùng anh Nguyễn Minh H nộp 29.764.000 đồng tiền án phí dân sự.

- Chị Nguyễn Thị Thúy P phải nộp 8.897.000 đồng tiền án phí dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh H kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại Quyết định kháng nghị số: 12/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24/10/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C kháng nghị bản án sơ thẩm số: 45/2018/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C do vi phạm nghiêm trọng về tố tụng và nội dung. Nội dung kháng nghị: 1. Không chấp nhận việc ông Dương Hoàng V là đại diện theo ủy quyền cho bị đơn chị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H do quyền lợi và nghĩa vụ của họ đối lập nhau nên việc nhận ủy quyền này là vi phạm về tố tụng; 2. Cần chuyển cho cơ quan điều tra có thẩm quyền xác minh điều tra làm rõ hành vi ghi số đề của chị P, nếu không có vi phạm pháp luật về hình sự mới giải tiếp tranh chấp về dân sự; 3. Không chấp nhận yêu cầu của chị L yêu cầu chị P có nghĩa vụ trả lại số tiền 177.933.000 đồng mà chị L đóng hui chết giùm chị P; 4. Không chấp nhận buộc anh H liên đới với chị P trả cho chị L số tiền 600.000.000 đồng. Viện kiểm

sát kháng nghị đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của chị L yêu cầu chị P có nghĩa vụ trả lại số tiền 177.933.000 đồng mà chị L đóng hui chết giùm chị P và việc buộc anh H liên đới cùng chị P trả cho chị L tiền vay 600.000.000 đồng là không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Lê Thị Hồng L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp rút một phần của Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, cụ thể rút kháng nghị đối với nội dung: 1. Không chấp nhận việc ông Dương Hoàng V là đại diện theo ủy quyền cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; 2. Không chấp nhận yêu cầu của chị L yêu cầu chị P có nghĩa vụ trả lại số tiền 177.933.000 đồng mà chị L đóng hui chết giùm chị P; 3. Không chấp nhận buộc anh H liên đới với chị P trả cho chị L số tiền vay 600.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thúy P và anh Nguyễn Minh H; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 45/2018/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C; Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 12/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24/10/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C. Viện kiểm sát giữ nguyên một phần nội dung kháng nghị về việc đề nghị Tòa án kiến nghị cơ quan điều tra có thẩm quyền điều tra làm rõ hành vi thâu đề (ghi số đề) của chị P có vi phạm pháp luật hình sự hay không; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 12/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24/10/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C. Tiếp tục duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 152/2019/QĐ-BPKCTT ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Tòa án Tỉnh để đảm bảo thi hành án cho chị L.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo trong thời hạn luật định.

- Theo án sơ thẩm xác định địa chỉ của chị P và anh H là số D', L.Đ.H, Tổ E, khóm M.T, phường M.P, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp là chưa đúng. Theo sổ hộ khẩu do chị P và anh H cung cấp thì địa chỉ mà anh H và chị P đăng ký hộ khẩu là số D, L.Đ.H, Tổ E, khóm M.T, phường M.P, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, xác định địa chỉ của chị P và anh H là số D, L.Đ.H, Tổ E, khóm M.T, phường M.P, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Tại phiên tòa ngày 11/6/2019 các đương sự có mặt tại phiên tòa.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Lê Thị Hồng L yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy P và anh Nguyễn Minh H liên đới trả cho chị L tiền vốn vay là 600.000.000 đồng và tính lãi theo mức lãi suất 1,125%/tháng kể từ ngày khởi kiện (23/3/2018) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/10/2018) với số tiền lãi là 44.100.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đối với số tiền nợ vay trên cho đến khi vụ án kết thúc; Đồng thời, chị Lê Thị Hồng L yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy P và anh Nguyễn Minh H liên đới trả 160.000.000 đồng tiền nợ hui và yêu cầu tính lãi 1,125%/tháng đối với số tiền nợ hui trên tính kể từ khi kết thúc hai dây hui đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền lãi là 17.933.000 đồng.

[3] Theo nội dung kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm thì phía chị P đồng ý cá nhân chị P trả số tiền vay vốn gốc là 600.000.000 đồng và lãi suất theo quy định cho chị L, vì chị P cho rằng số tiền vay trên là do cá nhân chị P vay của chị L, không liên quan đến anh H chồng chị P và chị P không đồng ý trả số tiền nợ hui vốn và lãi là 177.933.000 đồng cho chị L, vì chị P cho rằng chị P không có nhờ chị L chơi hui giùm nên không có nợ số tiền hui trên của chị L; Còn theo nội dung kháng cáo của anh H là không đồng ý liên đới cùng chị P trả số tiền vay 600.000.000 đồng và lãi suất cho chị L, vì anh H cho rằng anh H không có cùng chị P vay số tiền 600.000.000 đồng trên của chị L.

[4] Xét qua nội dung kháng cáo cũng như lời trình bày của phía chị P và phía anh H là hoàn toàn không có căn cứ nên không được chấp nhận, bởi lẽ:

- Đối với số tiền vay 600.000.000 đồng trên được chị P xác định tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C là chị P có vay của chị L số tiền 600.000.000 đồng trên để gia đình chị P và anh H cùng kinh doanh xe tải. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm ông Dương Hoàng V đại diện theo ủy quyền của chị

P và anh H cũng thừa nhận là chị P có vay số tiền 600.000.000 đồng trên của chị L để chị P làm số đề và ông V trình bày việc chị P vay số tiền trên của chị L thì anh H (chồng chị P) đều biết và vay tiền là nhằm để phục vụ phát triển kinh tế chung của gia đình. Đồng thời, theo lời khai của chị P trình bày tại Công an huyện C thì chị P thừa nhận vay số tiền 600.000.000 đồng của chị L để vợ chồng chị P và anh H cùng kinh doanh xe tải và trả nợ là nhằm phục vụ kinh tế chung của gia đình (Vì vợ chồng chị P và anh H có kinh doanh xe tải là đúng sự thật). Như vậy, chị P vay số tiền 600.000.000 đồng trên của chị L là để phục vụ phát triển kinh tế gia đình của chị P và anh H là hoàn toàn đúng sự thật. Do đó, buộc chị P và anh H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền vay vốn là 600.000.000 đồng và tiền lãi 44.100.000 đồng (tổng cộng vốn và lãi là 644.100.000 đồng) theo như yêu cầu của chị L cũng như theo án sơ thẩm đã xét xử là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

+ Đối với số tiền hui 160.000.000 đồng mặc dù phía chị P không thừa nhận nhưng căn cứ vào lời khai của chủ hui là chị Nguyễn Thị Cẩm H1 tại phiên tòa ngày 31/5/2019 thì chị H1 trình bày xác nhận là chị L có đứng ra bảo lãnh chơi hui giùm cho chị P đối với 02 phần hui trên do chị H1 làm chủ và chị H1 là người trực tiếp giao tiền của 02 phần hui đã hót trên cho chị L và chị H1 là người trực tiếp chứng kiến thấy chị L giao toàn bộ số tiền hót của 02 phần hui trên cho chị P nhận tại quán cà phê H.S, cụ thể đây hui 5.000.000 đồng khai ngày 06/02/2016 chị L hót hui được 68.450.000 đồng và chị L giao cho chị P nhận 68.450.000 đồng tiền hui này vào tháng 3/2016; còn đây hui 10.000.000 đồng chị L hót hui được 135.600.000 đồng và chị L giao cho chị P nhận 135.600.000 đồng tiền hui này vào tháng 5/2016. Sau khi chị P nhận và hót tiền của 02 phần hui trên đến mãn hui thì chị P không có đóng hui chết lại đầy đủ cho chủ hui mà chị L phải đóng thay và đây hui 5.000.000 đồng trên chị L đóng 10 lần hui chết đến mãn hui cho chị H1 là 50.000.000 đồng, còn đây hui 10.000.000 đồng chị L đóng 11 lần đến mãn hui cho chị H1 là 110.000.000 đồng. Đồng thời, căn cứ vào các lời khai xác nhận cùng ngày 03/10/2018 của những người hui viên tham gia trong 02 đây hui trên như: Huỳnh Thị Hồng X, Dương Thị Hồng T, Đinh Thị Thùy T1, Dương Thị Hồng D đã trình bày xác nhận là chị P có tham gia và nhờ chị L đứng ra bảo lãnh chơi giùm 02 phần hui trong 02 đây hui trên do chị H1 làm chủ và chị P đã hót xong 02 phần hui trên là hoàn toàn có thật. Như vậy, căn cứ vào những lời trình bày xác nhận của chị H1, chị X, chị T, chị T1, chị D đã xác định là chị P có nhờ chị L đứng ra bảo lãnh chơi hui giùm và chị P có hót 02 phần hui trên là hoàn toàn có thật và đây là tiền nợ hui của cá nhân chị P nợ nhờ chị L bảo lãnh chơi giùm mà anh H (chồng chị P) không biết và chị L cũng không có chứng cứ

gì chứng minh anh H biết chị P có nhờ chị L chơi giùm 02 dây hui trên. Do đó, chỉ buộc cá nhân chị P có nghĩa vụ trả cho chị L số tiền nợ hui mà chị L đóng hui chết thay cho chị P số tiền vốn là 160.000.000 đồng và lãi là 17.933.000 đồng (tổng cộng vốn và lãi là 177.933.000 đồng) theo như án sơ thẩm đã xét xử là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[5] Về khoản tiền mượn 30.000.000 đồng và 12 chỉ vàng 18kara thì chị L có đơn xin rút lại và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của chị Lê Thị Hồng L.

[6] Tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 152/2019/QĐ-BPKCTT ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng xét xử phúc thẩm về việc “phong tỏa tài sản” của anh Nguyễn Minh H và chị Nguyễn Thị Thúy P đối với thửa đất số 218, tờ bản đồ 24, diện tích 181,1m², loại đất ở tại đô thị, do ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Thúy P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH02316 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 16/6/2014, tọa lạc tại khóm M.T, phường M.P, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp để đảm bảo thi hành án cho chị L.

[7] Xét việc rút một phần kháng nghị và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận và đình chỉ một phần kháng nghị của Viện kiểm sát.

[8] Từ những nhận định và phân tích trên, xét thấy kháng cáo của chị P và anh H là không có căn cứ, do đó cần phải giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2018/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C đã xét xử là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị L được chấp nhận nên chị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chị L được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Đồng thời, phía chị P, anh H bị buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự và không được chấp nhận kháng cáo nên chị P và anh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Trong vụ án này, Hội đồng xét xử cần kiến nghị cơ quan Công an có thẩm quyền về hành vi bán số đề của chị P có vi phạm pháp luật hình sự hay không để xử lý theo quy định của pháp luật.

[11] Các phần khác của phần quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 91; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 27, Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thúy P và anh Nguyễn Minh H.
2. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
3. Đình chỉ một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
4. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2018/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng L về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy P và anh Nguyễn Minh H liên đới trả số tiền vay vốn gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi 44.100.000 đồng.
6. Buộc chị Nguyễn Thị Thúy P và anh Nguyễn Minh H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị Hồng L số tiền vay vốn gốc và lãi là 644.100.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm nghìn đồng).
7. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng L về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy P trả tiền nợ hui vốn gốc là 160.000.000 đồng và tiền lãi là 17.933.000 đồng.
8. Buộc chị Nguyễn Thị Thúy P có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Hồng L số tiền nợ hui vốn gốc và lãi là 177.933.000 đồng (Một trăm bảy mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi ba nghìn đồng).
9. Không chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Hồng L về việc yêu cầu anh Nguyễn Minh H cùng liên đới với chị Nguyễn Thị Thúy P trả số tiền nợ hui vốn và lãi là 177.933.000 đồng.
10. Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

11. Đình chỉ một phần yêu cầu của chị Lê Thị Hồng L về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy P và anh Nguyễn Minh H liên đới trả số tiền 30.000.000 đồng và 12 chỉ vàng 18 kara.

12. Tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 152/2019/QĐ-BPKCTT ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng xét xử phúc thẩm về việc “phong tỏa tài sản” của anh Nguyễn Minh H và chị Nguyễn Thị Thúy P đối với thửa đất số 218, tờ bản đồ 24, diện tích 181,1m², loại đất ở tại đô thị, do ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Thúy P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH02316 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 16/6/2014, tọa lạc tại khóm M.T, phường M.P, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp để đảm bảo thi hành án cho chị Lê Thị Hồng L.

13. Về án phí:

13.1. Chị Lê Thị Hồng L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chị Lê Thị Hồng L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 19.732.500 đồng (trong đó gồm: 15.200.000 đồng theo biên lai số 0003142 ngày 12/4/2018 và 4.532.500 đồng theo biên lai số 04876 ngày 26/4/2018) của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

13.2. Chị Nguyễn Thị Thúy P và anh Nguyễn Minh H cùng L đới nộp 29.764.000 đồng (Hai mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

13.3 Chị Nguyễn Thị Thúy P phải nộp 8.897.000 đồng (Tám triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

13.4. Chị Nguyễn Thị Thúy P và anh Nguyễn Minh H mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị P và anh H đã nộp theo biên lai số 0004930 ngày 30/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (chị L và anh H đã nộp xong tiền án phí kháng cáo phúc thẩm).

14. Các phần khác của phần quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

15. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

16. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND thành phố C;
- CCTHADS thành phố C;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Giao